

Bản án số: 48/2019/HC-ST

Ngày: 28/11/2019

V/v Khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Quán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sìn Văn Thanh và bà Ngô Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/9, 17/10, 18/11 và ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính sơ thẩm thụ lý số 40/2019/TLST-HC ngày 05/4/2019 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐST-HC ngày 01 tháng 8 năm 2019 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-HC ngày 21/8/2019, số 71/2019/QĐST-HC ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Chị Phạm Huyền T.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai – (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Mạnh H.

Địa chỉ: Số 07 đường T1, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2019) - (Có mặt).

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 091 phố V, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tân P1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện P (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2019) – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 091 phố Xuân Viên, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh Hào – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện P (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2019) – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai người khởi kiện trình bày:

Năm 1999, chị Phạm Huyền T được mẹ đẻ là bà Lê Thị P2 cho mảnh đất ở diện tích đất là 120 m², chiều rộng mặt tiền theo đường quốc lộ 4D là 4 m, chiều sâu là 30 m. Việc tặng cho được lập thành văn bản và có xác nhận của đội trưởng đội 1 và chính quyền địa phương. Theo kết luận số 21 ngày 23/12/2013 của Thanh tra tỉnh Lào Cai việc tặng cho nêu trên là hợp lệ.

Sau khi nhận tặng cho, chị T có dựng được một căn nhà khung thép lợp tôn và năm 2004 tách khâu chung của gia đình ra ở riêng. Hàng năm, chị T nộp thuế sử dụng đất đầy đủ. Việc sử dụng đất ổn định, liên tục, không tranh chấp đến khi có quyết định thu hồi đất và quyết định cưỡng chế.

Trước năm 2017 khi thu hồi đất, UBND huyện P đã tiến hành giao đất tái định cư chính chủ cho chị T và chị T đã đi bốc thăm được lô 23 tại đường N1 nhưng việc giao đất bị tạm dừng lại. Sau đó, UBND huyện P cho rằng diện tích đất chị T được cho từ năm 1999 nhưng đến năm 2003 mẹ của chị T kê khai lại làm thủ tục cấp đổi bìa đỏ đã kê khai cả phần đất đã cho chị T nên chị T không có đất ở bị thu hồi và không được bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Tuy nhiên, đến ngày 13/10/2017 UBND huyện P lại ban hành quyết định số 1225/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, huyện P trong đó nội dung thu hồi 113.91 m² đất trồng cây hàng năm khác của chị T, có sơ đồ kèm theo. Thực tế diện tích đất nêu trên là 120 m² đất ở mà mẹ của chị T đã cho từ năm 1999.

Khi ban hành quyết định thu hồi đất nêu trên, UBND huyện P chưa bàn giao trực tiếp cho chị T, đến nay chị T vẫn chưa nhận được. Mặt khác ngoài diện tích đất ở 120 m² được cho tặng nêu trên chị T không có diện tích đất hàng năm nào khác. Tuy nhiên quyết định thu hồi đất của chị T là không đúng thực tế sử dụng, đất của chị T giáp mặt đường quốc lộ 4D đã có nhà ở, giấy tờ tặng cho ghi rõ là đất ở, nguồn gốc do cha ông để lại từ năm 1960, nộp thuế nhà đất hàng năm chứ không phải là đất trồng cây hàng năm được. Mặt khác UBND huyện P trong những văn bản trả lời người khởi kiện trước đó cho rằng mẹ của chị T đã kê khai

diện tích đất xin đổi bìa đồ vào đất đã cho chị T nên chị T không có đất bị thu hồi, vì vậy không được giao đất tái định cư thì tại sao lại ban hành quyết định thu hồi 113.91 m² đất trồng cây hàng năm mang tên chị T.

Chị Phạm Huyền T cho rằng diện tích đất thu hồi của chị nằm trong quy hoạch Chợ văn hóa- Bến xe khách thị trấn P nhưng không nằm trong Dự án 30 ha Chợ văn hóa – Bến xe khách nên không bị thu hồi. Việc thu hồi đất nêu trên là vượt quá 30 ha đã được phê duyệt. Mặt khác nếu UBND huyện P cho rằng mẹ chị T kê khai cả diện tích đất đã cho chị T mà thanh tra tỉnh Lào Cai kết luận việc cho tặng là hợp pháp thì khi phát hiện ra sai sót này UBND huyện P phải thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho mẹ của chị T và cấp lại cho đúng vị trí. Tuy nhiên UBND huyện P đã không làm việc đó mà lại cho rằng đất ở của chị T mà mẹ của chị T đã kê khai cấp đổi bìa nên chị T không có đất ở bị thu hồi và UBND huyện P ban hành quyết định thu hồi đất thành đất trồng cây hàng năm và không giao đất tái định cư cho người khởi kiện là hoàn toàn trái quy định của pháp luật không đúng với thực tế người khởi kiện đang sử dụng đất

Do chị T không đồng ý bàn giao đất bị thu hồi nên ngày 04/3/2019 chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định số 167/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi 113.91 m² đất của chị T. Quyết định nêu trên có nội dung và hình thức trái luật. Tại phần ký hiệu ghi là QĐ-UBND là sai mà phải ghi là QĐ-CTUBND, mặt khác do quyết định thu hồi đất trái luật không đúng thực tế sử dụng đất không đúng đối tượng, không đúng phê duyệt dự án nên việc cưỡng chế thu hồi đất là trái luật.

Vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình chị T khởi kiện yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của UBND huyện P về việc thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện P trình bày:

Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa- Bến xe khách thị trấn P, trong đó phải thu hồi diện tích 113,91m² của chị Phạm Huyền T. Ngày 31/5/2017, Tổ công tác đã tiến hành thống kê, kiểm đếm đất đai và tài sản trên đất, chị T cũng đã xác nhận số liệu trên và đồng ý ký vào biên bản kiểm đếm, tại thời điểm kiểm đếm tài sản trên đất của chị T gồm có 01 ngôi nhà bán mái không có kết cấu bao che, lợp proximăng cột sắt Ø 12, cao 3,3m.

Sau khi có số liệu thống kê, tổ công tác tiến hành áp giá bồi thường cho hộ gia đình, đồng thời niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình theo quy định. Tại buổi làm việc lấy ý kiến trực tiếp từ

các hộ gia đình, trong đó có gia đình chị T, gia đình cũng đồng ý với số liệu về diện tích đất, tài sản, cây cối hoa màu trên đất theo biên bản kiểm kê của tổ công tác.

Ngày 13/10/2017, UBND huyện P ban hành Quyết định số 1225/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với chị Phạm Huyền T với diện tích 113,91 m²; loại đất thu hồi: Đất trồng cây hàng năm khác, đồng thời ban hành Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, trong đó có hộ chị Phạm Huyền T.

Các Quyết định trên, được tổ công tác bàn giao trực tiếp cho hộ gia đình, người nhà của chị T.

Ngày 23/10/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất đã thông báo, mời các hộ nhận tiền, bàn giao đất nhưng các hộ chưa nhất trí. Ngày 06/11/2018, UBND thị trấn P tổ chức buổi làm việc vận động các hộ nhận tiền, bàn giao đất đã thu hồi để thực hiện dự án, tuy nhiên tại buổi làm việc hộ gia đình chị T chưa nhất trí nhận tiền và bàn giao diện tích đất đã có quyết định thu hồi.

Do hộ gia đình không phối hợp nhận tiền và bàn giao mặt bằng, UBND thị trấn cũng đã vận động các hộ gia đình. Thực hiện theo quy định của Luật Đất đai Ngày 04/3/2019, UBND huyện P ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với chị Phạm Huyền T.

Tất cả các nội dung đề nghị, kiến nghị của chị T đã được UBND huyện trả lời đầy đủ tại các buổi làm việc và tại các văn bản: Văn bản số 2591/UBND-TNMT ngày 21/11/2017; Văn bản số 1486/UBND-PTQĐ ngày 26/6/2018; Văn bản số 2955/UBND-TNMT ngày 26/11/2018.

Do đó, việc chị T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 về việc thu hồi đất; Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện P đối với chị Phạm Huyền T là không có căn cứ. Đề nghị TAND tỉnh Lào Cai giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối thoại để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng đối thoại không thành nên Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã đưa vụ ra xét xử.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Bác yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Huyền T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Chị Phạm Huyền T khởi kiện Quyết định số 1225/QĐ- UBND ngày 13/10/2017 của UBND huyện P về việc thu hồi đất và Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 4/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất. Đây là các quyết định hành chính được UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P ban hành trong quá trình quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai. Các quyết định này thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 30, 32 Luật tổ tụng hành chính và được khởi kiện trong thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Xét Quyết định thu hồi đất số 1225/QĐ- UBND ngày 13/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P.

* *Về thẩm quyền:* Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 được ban hành đúng quy định tại Điều 66 Luật đất đai.

* *Về trình tự, thủ tục:* Được thực hiện đúng trình tự theo quy định tại Điều 69 Luật đất đai 2013.

* *Về căn cứ thu hồi đất:* Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận và Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt.

- Về xác định vị trí, loại đất thu hồi: Theo người khởi kiện, diện tích đất bị thu hồi của là đất ở và có vị trí ngoài mặt đường QL4D, được bà Lê Thị P2 (là mẹ đẻ) tặng cho từ năm 1999 được chính quyền địa phương xác nhận. Nhưng tại quyết định thu hồi đất của UBND huyện lại ghi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác và ở vị trí không phải ở mặt đường QL4D là không đúng vị trí và loại đất bị thu hồi của chị Phạm Huyền T.

Xét thấy: Năm 1999, bà Lê Thị Phúc mẹ chị Phạm Huyền T có cho chị T 120m² đất ở (4m x 30m) vị trí giáp mặt đường QL4D, việc tặng cho có lập giấy viết tay và được chính quyền địa phương xác nhận. Mặc dù, chị T chưa làm thủ tục đăng ký, chưa sang tên quyền sử dụng đất cho mình theo quy định nhưng giữa chị T và bà P2 không có tranh chấp gì với nhau. Năm 2003, khi bà Lê Thị P2 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà đã kê khai diện tích đất để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mặt đường QL4D là 10m và đã để lại phần đất mà bà tặng cho chị T năm 1999. Theo hồ sơ xin giao đất, bà Lê Thị P2 chỉ đề nghị cấp với diện tích 120m² (Chiều rộng theo mặt đường QL4D là 10m và chiều sâu là 12m). Căn cứ vào đơn xin giao đất, UBND huyện P cũng đã ra Quyết định giao đất theo đúng đơn xin cấp quyền sử dụng

đất của bà P2. Tuy nhiên do sơ xuất trong việc cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện P đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị Phúc với chiều dài mặt đường QL4D là 12m và chiều sâu là 10m.

Như vậy có thể khẳng định, tại thời điểm xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003, bà Lê Thị P2 vẫn thể hiện ý chí tặng cho chị Phạm Huyền T phần đất theo như giấy tặng cho năm 1999.

Tại kết luận số 21/2017/TTr ngày 23/12/2013 Của Thanh tra tỉnh Lào Cai đã kết luận: *“Việc bà P2 tặng cho quyền sử dụng đất năm 1999 cho chị T được xác minh là hợp lệ”*.

Do khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Phúc, UBND huyện P đã lập sơ đồ cấp đất sai với sơ đồ giao đất nên khi thực hiện việc thu hồi đất của chị Phạm Huyền T, UBND huyện đã xác định ranh giới, vị trí theo giấy CNQSDĐ của bà P2 từ đó đã xác định chị T không có đất ở như bà P2 đã tặng cho, phần đất thu hồi của chị T bị thu hồi đất không phải là đất ở. Việc UBND huyện P căn cứ vào Giấy CNQSDĐ của bà P2 cho rằng chị Phạm Huyền T không có đất được tặng cho ở mặt đường QL4D và ban hành Quyết định thu hồi đối với diện tích đất ở vị trí khác và xác định đó là đất của chị T là không chính xác, ảnh hưởng quyền lợi của chị Phạm Huyền T.

[3] Xét Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện P (Quyết định này người khởi kiện không có ý kiến gì)

** Về thẩm quyền:* Đúng quy định tại Điều 69 Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn.

** Về trình tự, thủ tục ban hành:* Được thực hiện theo điều 69 Luật đất đai 2013, cụ thể:

Sau khi có thông báo thu hồi đất, ngày 31/5/2017, Tổ công tác đã tiến hành thống kê, kiểm đếm đất đai và tài sản trên đất, tại thời điểm kiểm đếm tài sản xác định trên đất của chị T gồm có 01 ngôi nhà bán mái không có kết cấu bao che, lợp phibroximăng cột sắt θ 12, cao 3,3m.

Sau khi có kết quả kiểm đếm, UBND huyện P đã lập, thẩm định phương án bồi thường, công khai lấy ý kiến về phương án bồi thường. Tuy nhiên, chị Phạm Huyền T đã có ý kiến không nhất trí, nhưng UBND huyện P không tiến hành kiểm tra lại và không phát hiện được sai sót của mình.

[4]. Xét Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 167/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện P đối với bà Phạm Huyền T .

Do chị Phạm Huyền T không thực hiện việc giao đất theo quy định, mặc dù đã được vận động thuyết phục nhưng chị T vẫn không thực hiện nên ngày 04/3/2019, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND cưỡng chế đề thu hồi đất. Việc ban hành quyết định và thực hiện cưỡng chế được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, như phân tích ở trên, Quyết định

thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện P có sai sót nên việc cưỡng chế thu hồi đất là chưa chính xác.

Từ những phân tích trên, cho thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện, hủy các quyết định có liên quan tới việc thu hồi đất của chị Phạm Huyền T.

[5] Về chi phí thẩm định và án phí: Yêu cầu của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên UBND huyện P phải chịu tiền chi phí thẩm định tại chỗ và án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 358 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Huyền T.

- Hủy Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của hộ bà Phạm Huyền T.

- Hủy một phần Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa- Bến xe khách thị trấn P, của Ủy ban nhân dân huyện P đối với hộ bà Phạm Huyền T.

- Hủy Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Huyền T.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Ủy ban nhân dân huyện P hoàn trả cho chị Phạm Huyền T số tiền chi phí thẩm định tại chỗ là 14.090.000 đồng (*Mười bốn triệu không trăm chín mươi nghìn*) mà chị T đã nộp cho Tòa án.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm. Chị Phạm Huyền T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000417 ngày 05/4/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sin Văn Thanh

Ngô Thị Thư

Vũ Minh Quán